

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 4 năm 2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC DÒNG CHÍNH SÔNG ĐỒNG NAI, VÙNG ĐÔNG NAM BỘ
NĂM 2020

(Tuần từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 06 tháng 5 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Biên Hòa	5,2	59,0	- 46,6	- 42,6	- 33,9	- 82,4	-	10,57
Bà Rịa	0,0	0,4	- 99,1	- 98,5	- 88,6	- 99,8	-	4,95
Bù Đăng	3,4	164,2	- 14,7	+ 26,1	- 35,5	- 54,0	+ 202,4	15,35
Long Thành	59,4	111,6	+ 14,3	+ 284,8	+ 280,9	- 55,9	-	22,70
Nhà Bè	26,0	26,0	- 66,2	+ 157,4	- 52,8	- 87,1	+ 3.614	15,03
Phước Hòa	47,9	178,1	+ 25,2	+ 68,3	+ 122	- 37,9	+ 436,4	22,52
Tà Lài	55,4	247,0	+ 18,5	+ 59,4	+ 34,1	- 24,6	+ 544,9	24,94
Trị An	7,3	33,3	- 74,0	- 85,5	- 82,1	- 84,2	-	14,08
Túc Trưng	14,8	115,6	- 23,3	- 30,1	+ 1.575	- 51,3	+ 148,1	19,57
Vũng Tàu	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	5,10
Xuân Lộc	40,2	54,7	- 51,8	+ 195,7	- 39,6	- 69,4	+ 1.267	24,44
Xuyên Mộc	0,0	4,0	- 92,2	- 78,3	- 88,0	- 97,3	-	6,62
Trung bình	21,6	82,8	-42,5	+29,7	+124,3	- 70,3	+ 1.035	15,5

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích trung bình các trạm đo chính trên khu vực khoảng 21,6 mm, thấp hơn TBNN 42,5%, cao hơn năm 2019 là 29,7%, cao hơn 124,3% so với năm 2018, thấp hơn 70,3% so với năm 2017 và cao hơn nhiều so với năm 2016. Lượng mưa lớn nhất trong tuần tại trạm Long Thành (59,4 mm) và lượng mưa nhỏ nhất trong tuần tại các trạm Bà Rịa, Xuyên Mộc, Vũng Tàu (0,0 mm).

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 15,5 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017		
Hồ Suối Vọng	4	0,50	12,50	- 17,9	- 23,6	- 24,3	- 42,5	Giảm	62,50
Hồ Gia Ui	10,8	1,45	13,45	- 53,2	- 47,3	- 61,7	- 69,3	Giảm	57,73
Hồ Núi Le	3,5	1,20	34,16	- 29,1	- 15,5	- 38,9	- 51,0	Giảm	69,02
Hồ Suối Đầm	1,2	0,91	76,00	+ 37,0	- 13,2	+ 20,2	+ 13,2	Giảm	92,99
Hồ Suối Rang	2,6	1,65	63,45	+ 7,4	- 7,9	+ 184,4	- 17,4	Giảm	84,14
Hồ Giao Thông	0,50	0,20	39,80	+ 15,9	+ 26,3	- 18,5	- 0,5	Giảm	76,54
Hồ Sông Mây	15	3,68	24,55	- 37,1	- 43,4	- 38,9	- 57,4	Giảm	53,09
Hồ Mo Nang	1,15	0,56	48,52	+ 7,1	- 17,1	+ 50,0	- 20,3	Giảm	87,83
Hồ Suối Đồi	1,2	0,52	43,52	- 19,2	- 45,2	- 15,5	- 11,5	Giảm	84,90
Hồ Cầu Mới tuyến V	9	3,25	36,06	- 3,5	+ 49,5	+ 13,5	- 43,7	Giảm	67,87
Hồ Cầu Mới tuyến VI	21	6,58	31,33	- 32,4	- 3,5	- 36,4	- 45,6	Giảm	57,70
Hồ Suối Tre	0,64	0,49	76,72	- 4,4	+ 8,2	- 2,8	- 7,8	Giảm	93,20
Hồ Đa Tôn	19,4	5,29	27,26	+ 6,3	+ 13,2	- 25,2	- 8,8	Giảm	86,77
Hồ Bà Long	1,2	0,63	52,50	+ 95,0	+ 34,3	+ 11,6	+ 203,8	Giảm	95,95
Hồ Thanh Niên	0,6	0,43	71,56	+ 7,9	- 14,7	+ 13,9	+ 16,0	Giảm	80,95
Hồ Sông Ray	215,36	20,48	9,51	- 65,6	- 12,6	- 45,0	- 81,7	Giảm	58,92
Hồ Đá Đen	33,4	14,01	41,93	- 25,3	- 9,5	- 45,2	- 49,5	Giảm	97,25
Hồ Tầm Bó	5,85	1,04	17,79	+ 6,0	+ 30,8	- 29,3	- 22,9	Giảm	65,24
Hồ Đá Bàn	11,35	1,57	13,82	+ 22,0	+ 88,5	+ 2,5	+ 503,4	Giảm	52,03
Hồ Lò Ô	6	2,56	42,62	- 28,2	- 40,4	+ 14,2	+ 10,7	Giảm	79,31
Hồ Suối Giàu	12,2	1,19	9,74	- 73,4	- 15,6	- 77,5	- 45,4	Giảm	57,61
Trung bình/Tổng	375,95^(*)	68,17	18,13	- 12,3	- 6,5	- 7,3	- 0,7		64,64

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 375,95 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 29/04/2020 xuống thấp so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 68,17 triệu m³ (đạt 18,13% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa xấp xỉ so với cùng kỳ năm 2017, thấp hơn cùng kỳ năm 2018, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019 và TBNN. Một số hồ có dung tích trữ thấp dưới 30% DTTK như: Hồ Sông Ray (9,51% DTTK), hồ Tầm Bó (17,79%), hồ Đá Bàn (13,82% DTTK), hồ Suối Giàu (9,74%) thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hồ Suối Vọng (12,50% DTTK), hồ Gia Ui (13,45% DTTK), hồ Sông Mây (24,55% DTTK) và hồ Đa Tôn (27,26% DTTK) thuộc tỉnh Đồng Nai.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 5 của vụ Hè Thu năm 2020 của 21 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) là **28,36** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Hè Thu năm 2020				Nhu cầu nước tưới tháng 5 cho vụ Hè Thu năm 2020 (10 ⁶ m ³)
		Diện tích sản xuất vụ Hè Thu năm 2020 (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		5.891,8	1.314,8	1.631,0	330,4	28,36
1	Hồ Suối Vọng			0		0,00
2	Hồ Gia Ui	186,85				0,30
3	Hồ Núi Le					0,12
4	Hồ Suối Đầm					0,00
5	Hồ Suối Rang			50		0,05
6	Hồ Giao Thông					0,00
7	Hồ Sông Mây	385,43	30,8		320,37	8,94
8	Hồ Mo Nang	36			4	0,09
9	Hồ Suối Đồi	9,55				0,01
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	39	550		3	2,89
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI					
12	Hồ Suối Tre					0,00
13	Hồ Đa Tôn	850	13		3	1,36
14	Hồ Bà Long	0				0,00
15	Hồ Thanh Niên	55	0			0,13
16	Hồ Sông Ray	1.978,00	521	878		4,45
17	Hồ Đá Đen			300		6,05
18	Hồ Tầm Bó	292	75	368		0,86
19	Hồ Đá Bàn	1.567,00				2,21
20	Hồ Lò Ô	106				0,16
21	Hồ Suối Giàu	387	125	35		0,74

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 5 năm 2019 (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Suối Vọng	0,78
2	Hồ Gia Ui	1,05
3	Hồ Núi Le	0,91
4	Hồ Suối Đầm	0,67
5	Hồ Suối Rang	0,63
6	Hồ Giao Thông	0,04
7	Hồ Sông Mây	1,62
8	Hồ Mo Nang	0,07
9	Hồ Suối Đồi	0,09
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	1,57
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI	2,09
12	Hồ Suối Tre	0,21
13	Hồ Đa Tôn	2,21
14	Hồ Bà Long	0,09
15	Hồ Thanh Niên	0,03
16	Hồ Sông Ray	26,41
17	Hồ Đá Đen	3,32
18	Hồ Tầm Bó	0,42
19	Hồ Đá Bàn	0,45
20	Hồ Lò Ô	0,53
21	Hồ Suối Giàu	0,45

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 5 cho vụ Hè Thu, kết quả dự báo tuần từ ngày 30/04/2020 đến ngày 06/05/2020 như sau:

- **21/21 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Vọng, hồ Gia Ui, hồ Núi Le, hồ Suối Đầm, hồ Suối Rang, hồ Giao Thông, hồ Sông Mây, hồ Mo Nang, hồ Suối Đồi, hồ Cầu Mới tuyến V, hồ Cầu Mới tuyến VI, hồ Suối Tre, hồ Đa Tôn, hồ Bà Long, hồ Thanh Niên, hồ Sông Ray, hồ Đá Đen, hồ Tầm Bó, hồ Đá Bàng, hồ Lò Ô, hồ Suối Giàu.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu năm 2020 từ ngày 30/04/2020 đến 06/05/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Vọng	12,50	0	12,50	100	0	Đủ nước
Hồ Gia Ui	13,45	186,85	13,19	100	186,85	Đủ nước
Hồ Núi Le	34,16	0	32,05	100	0	Đủ nước
Hồ Suối Đầm	76,00	0	74,75	100	0	Đủ nước
Hồ Suối Rang	63,45	50	61,86	100	50	Đủ nước
Hồ Giao Thông	39,80	0	35,04	100	0	Đủ nước
Hồ Sông Mây	24,55	736,6	23,83	100	736,6	Đủ nước
Hồ Mo Nang	48,52	40	47,39	100	40	Đủ nước
Hồ Suối Đồi	43,52	9,55	42,06	100	9,55	Đủ nước
Hồ Cầu Mới tuyến V	36,06	592	34,71	100	592	Đủ nước
Hồ Cầu Mới tuyến VI	31,33		23,80	100		Đủ nước
Hồ Suối Tre	76,72	0	76,05	100	0	Đủ nước
Hồ Đa Tôn	27,26	866	23,80	100	866	Đủ nước
Hồ Bà Long	52,50	0	49,94	100	0	Đủ nước
Hồ Thanh Niên	71,56	55	68,21	100	55	Đủ nước
Hồ Sông Ray	9,51	3377	7,80	100	3377	Đủ nước
Hồ Đá Đen	41,93	300	39,73	100	300	Đủ nước
Hồ Tầm Bó	17,79	735	17,39	100	735	Đủ nước
Hồ Đá Bàng	13,82	1567	12,96	100	1567	Đủ nước
Hồ Lò Ô	42,62	106	39,22	100	106	Đủ nước
Hồ Suối Giàu	9,74	547	9,14	100	547	Đủ nước
Trung bình/Tổng	18,13	9.168,00^(*)	16,12	100	9.168,00^(*)	

Ghi chú: ^(*) giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tà Lài	Mã Đà, Phú Lý – Vĩnh Cừ	271,9	+ 532,4	+ 13	- 64	Rủi ro hạn thấp
	Phú Xuân – Tân Phú					
Túc Trưng	Xuân Thiện, Quang Trung – Thống Nhất	135,2	+ 1.140,1	- 28,4	- 70,0	Rủi ro hạn thấp
Trị An	Cây Gáo, Đồi 61 – Trảng Bom	47,4	+ 108,7	- 69,5	- 86,3	Rủi ro hạn trung bình

Long Thành	Bình Sơn, Bình An, Bà Cạn – Long Thành	134,3	+ 1.179,1	+ 12,3	- 72,5	Rủi ro hạn thấp
Trung bình		147,2	+ 740,1	- 18,3	- 73,2	Rủi ro hạn thấp

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi thấp hơn lượng mưa TBNN 18,3%, cao hơn 740,1% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Tuần qua một số trạm có mưa như: Trạm Biên Hòa 5,2 mm, trạm Tà lài 55,4 mm, Long Thành 59,4 mm, Trại An 7,3 mm, Túc Trưng 14,8 mm, Xuân Lộc 40,2 mm (tỉnh Đồng Nai); trạm Bù Đăng 3,4 mm (tỉnh Bình Phước); trạm Nhà Bè 26,0 mm (TP.HCM) giúp bổ sung nguồn nước kịp thời cho SXNN các khu vực này trong giai đoạn cao điểm mùa khô. Tuy nhiên, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nhiều nơi đầu năm đến nay lượng mưa đo được không đáng kể (phổ biến không mưa), như trạm Vũng Tàu 5 tháng liên tục không mưa, Xuyên Mộc có mưa nhưng lượng mưa nhỏ không đáng kể. Có nguy cơ xảy ra hạn hán đối với khu vực sản xuất nông nghiệp nằm ngoài khu tưới các công trình thủy lợi, khuyến cáo người dân có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước, nạo vét, khơi thông dòng chảy sông, suối nhằm tận dụng triệt để nguồn nước mặt trữ vào ao, bầu; hỗ trợ khuyến khích xây dựng bể chứa nước hộ gia đình, đào ao trữ nước ở những vùng khô hạn. Cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán:

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
12.141,7	7.810,0	4.331,7					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 06/5/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 60,61 triệu m³ (chiếm 16,12% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 21/21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 06/5/2020 không thay đổi.

Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu, kiến nghị một số nội dung sau: (1) Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ

tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng, giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước. **(2)** Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; **(3)** Duy tu, sửa chữa công trình phục vụ phòng, chống hạn mặn. Nạo vét một số trục kênh chính, ưu tiên đầu tư nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, giảm tổn thất rò rỉ, trữ nước trên hệ thống kênh rạch nội đồng chống hạn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất. **Lưu ý, hồ Sông Hỏa (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) đang ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, khuyến cáo người dân cần sử dụng nước tiết kiệm, có phương án để chủ động trong việc cấp nước cho phần diện tích cây lâu năm ở phía hạ du.**

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 07/5/2020 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG